



Báo cáo doanh nghiệp: Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long (NLG VN)

Bộ phận phân tích DN
 (+84)24 3573 0073
 research@gtjas.com.vn

23 tháng 8 năm 2021

Ảnh hưởng bởi đại dịch bùng phát

Luận điểm đầu tư

- Dự án Mizuki và Akari ở tp Hồ Chí Minh và Water Point ở Long An là các dự án chính cho các năm tới khi mà giai đoạn 1 được mở bán rất thành công với tỷ lệ hấp thụ cao.
- Trong Q2 2021, doanh thu NLG đạt 400 tỷ đồng (+65% y-o-y) trong khi LNG đạt 116.2 tỷ đồng (-16% y-o-y). LNST đạt 48.1 tỷ đồng (-29% y-o-y).
- Nhu cầu cho các sản phẩm của Nam Long là cao vì giá bán hợp lý và thương hiệu uy tín.
- Nhu cầu nhà ở tại tp Hồ Chí Minh là khá cao. Giá nhà trung bình cao hơn so với 2019.
- NLG sở hữu 681 ha quỹ đất để phát triển cho giai đoạn 2021-2025.

Rủi ro

- Vấn đề chậm cấp phép sẽ không cải thiện trong năm nay.
- Tính chu kỳ và thắt chặt tín dụng ngăn cản tăng trưởng.
- Tác động của dịch Covid-19 và làn sóng dịch mới từ tháng 5, doanh số bán hàng sẽ bị tác động tiêu cực, bàn giao các căn hộ cho 2021 có thể thấp hơn dự kiến.
- Doanh số bán hàng hiện tại chậm lại do ảnh hưởng của đại dịch bùng phát.

Khuyến nghị:

Sử dụng phương pháp RNAV, chúng tôi định giá cổ phiếu NLG với mức giá **34,300 VND/cổ phiếu** và khuyến nghị **Trung lập** cho cổ phiếu NLG.

Rating:

Trung lập

Duy trì

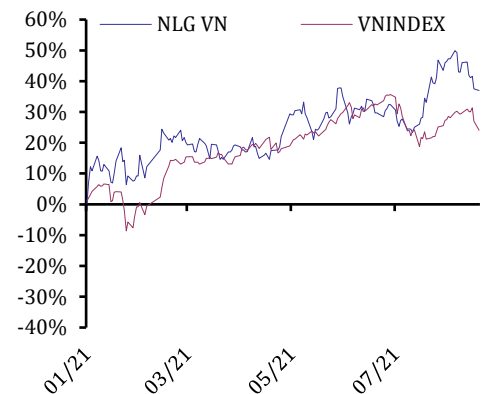
6-18m TP:

VND34,300

Giá cổ phiếu:

VND40,750

Diễn biến giá cổ phiếu



| Thay đổi giá | 1 M | 3 M | 1 Y |
|----------------------|--------|--------|--------|
| Tuyệt đối % | 2.9% | 5.6% | 64.2% |
| SS % với VNI index | 5.3% | 4.8% | 116.1% |
| Giá trung bình (VND) | 42,712 | 39,966 | 33,420 |

Nguồn: Bloomberg, Guotai Junan (Việt Nam)

| Năm tài chính 12/31 | DT (VND Bil) | LNST (VND Bil) | EPS (VND) | EPS (Δ%) | PER (x) | BPS (VND) | PBR (x) | DPS (VND) | Yield (%) | ROE (%) |
|---------------------|--------------|----------------|-----------|----------|---------|-----------|---------|-----------|-----------|---------|
| 2017A | 3,165 | 760 | 3,425 | 41.0% | 9.9 | 18,573 | 1.8 | 470 | 14% | 14.5 |
| 2018A | 3,480 | 887 | 3,193 | -6.8% | 8.5 | 19,226 | 1.34 | 386 | 12% | 14.4 |
| 2019A | 2,549 | 1,010 | 3,709 | 16.2% | 6.7 | 19,462 | 1.3 | 770 | 21% | 15.5 |
| 2020A | 2,260 | 894 | 3,078 | -17.0% | 12.3 | 19,641 | 1.8 | 932 | 30% | 13.1 |
| Q2021A | 401 | 48 | - | -95.6% | 11 | 22,703 | 1.8 | 438 | - | - |

| | | | | |
|----------------------------|-----------------|----------------------|-------------------|--------|
| CPLH (m) | 285.27 | Cổ đông lớn | Nguyen Xuan Quang | 12.98% |
| Vốn hoá. (VND tỷ) | 11,667.5 | Free float (%) | | 65.0 |
| KLGD TB 3 tháng. ('000) | 3,370.46 | FY20 Net gearing (%) | | 1.08 |
| Giá 52 tuần cao/thấp (VND) | 23,890 / 45,300 | | | |

Nguồn: Công ty, Guotai Junan (Việt Nam)

Trong Q2 2021, doanh thu NLG đạt 400 tỷ đồng (+65% y-o-y) trong khi LNG đạt 116.2 tỷ đồng (-16% y-o-y). LNST đạt 48.1 tỷ đồng (-29% y-o-y). Trong quý 2 2021, có 28 căn hộ được bàn giao bởi công ty mẹ, 309 căn khác được bàn giao bởi liên doanh (dự án Southgate Water point ở tỉnh Long An). Tổng doanh thu từ nhóm này đạt 1,126.6 tỷ đồng. Trong nửa đầu năm 2021, NLG ghi nhận 429 tỷ đồng thu nhập khác đến từ khoản mục đánh giá lại khoản đầu tư ở Công ty TNHH thành phố Đồng Nai Waterfront sau khi mua thêm 30% phần vốn góp tại công ty này.

Bảng-1: Doanh số bán hàng cập nhật của NLG

| Dự án | T5 và T6 2021 | | | 6 tháng 2021 | | | Thay đổi % |
|-------------------|---------------|-------------------|-----------------------|---------------|-------------------|-----------------------|----------------------------------|
| | Số căn đã bán | Giá trị (tỷ đồng) | Số căn tb bán 1 tháng | Số căn đã bán | Giá trị (tỷ đồng) | Số căn tb bán 1 tháng | % thay đổi số căn bán trung bình |
| Flora Akari | 34 | 117 | 17 | 90 | 467 | 15 | 13% |
| Flora Mizuki | 45 | 137 | 23 | 646 | 2,003 | 108 | -79% |
| Valora South gate | 23 | 136 | 12 | 334 | 2,021 | 56 | -79% |
| Tổng cộng | 102 | 391 | 51 | 1,070 | 4,491 | 178 | -71% |

Nguồn: Công ty, Guotai Junan (Việt Nam)

Doanh số bán hàng Q2/2021 giảm mạnh so với Quý trước. Số căn trung bình bán trong tháng 5 và tháng 6 giảm mạnh -71%, xuống còn 51 căn/tháng từ 242 căn/tháng từ tháng 1 đến tháng 4. Nguyên nhân là do dịch Covid-19 bùng phát ở các tỉnh phía Nam như tp Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Long An, nơi mà các dự án của Nam Long đang triển khai.

Giá trị bán hàng cho nửa đầu năm 2021 đạt 4,491 tỷ đồng, cao hơn tổng giá trị bán hàng 2020 (+17%).

Bảng-2: Các dự án đang phát triển của NLG và quỹ đất

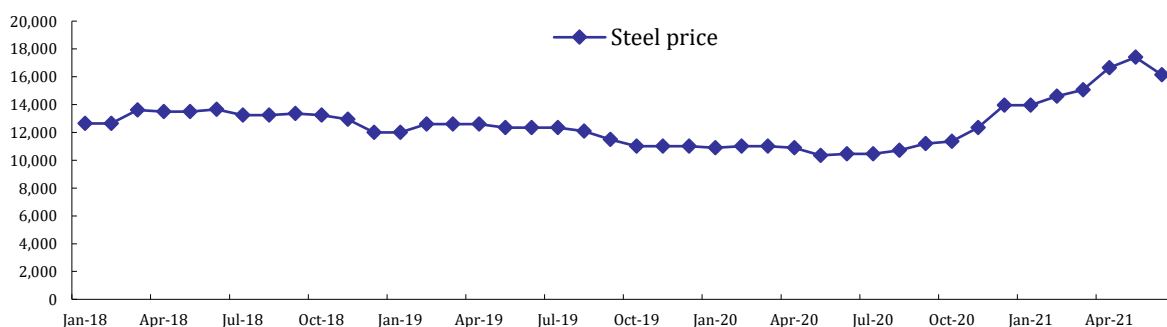
| Dự án | Diện tích (ha) | Địa điểm | Sở hữu (%) | Số căn | Tỷ lệ hấp thụ |
|-------------------------------|----------------|-----------|------------|---------------|---------------|
| Mizuki Park | 26.2 | HCMC | 50% | 4,231 | 40% |
| Ehomes Nguyễn Sơn | 11.2 | HCMC | 87% | 1,778 | 100% |
| Valora island | | HCMC | | | 100% |
| Flora Novia | 1.1 | HCMC | 100% | 548 | 100% |
| Akari City | 8.8 | HCMC | 50% | 5,228 | 38% |
| South Gate Water point (GĐ 1) | 165 | Long An | 50% | 3,227 | 48% |
| South Gate Water point (GĐ 2) | 190 | Long An | 100% | N/A | N/A |
| Nam Long 2 | 43 | Cần Thơ | 100% | 1,531 đất nền | N/A |
| Paragon Đại Phước | 45 | Đồng Nai | 100% | 587 | N/A |
| Waterfront | 170 | Đồng Nai | 70% | 6,906 | N/A |
| VSIP | 21 | Hải Phòng | 50% | 3,096 | N/A |

Nguồn: Công ty, Guotai Junan (Việt Nam)

Vì giãn cách xã hội nghiêm ngặt tại tp Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai và Long An, và nhiều khả năng sẽ kéo dài đến Q4, chúng tôi cho rằng sẽ ảnh hưởng đến doanh số bán hàng trong năm nay. Doanh số trực tuyến không giải quyết được vấn đề vì mua nhà là khoản đầu tư lớn và sự cần trực tiếp quan sát và tiếp cận sản phẩm.

Giá xây dựng

Biểu đồ-1: Giá thép



Nguồn: Guotai Junan (Việt Nam)

Giá thép và giá các VLXD khác như bê tông, đá, cát... tăng mạnh từ đầu năm. Trong quý 2, giá thép giảm tương đối mạnh do nhu cầu tiêu thụ sụt giảm. Nguyên nhân một phần do dịch bệnh Covid-19 bùng phát dẫn đến chậm trễ trong công tác xây dựng và nhu cầu thép giảm. Trong tháng 6 và tháng 7, giá thép ghi nhận mức

giảm 15% so với đỉnh đạt được từ tháng 5. Giá thép giảm sẽ cân bằng được cung và cầu, áp lực chi phí tăng cao trong giải ngân đầu tư công của chính phủ và các nhà thầu sẽ được giảm đi phần nào.

Kế hoạch của NLG trong giai đoạn 2021-2023. Các căn hộ mở bán đến từ các dự án Akari City, Mizuki Park, Southgate, Cần Thơ, VSIP Hải Phòng, Waterfront City Đồng Nai, và giá bán các dự này phù hợp với số đông người mua. Các sản phẩm của NLG được bán với giá khá hợp lý, trong khi thị trường bất động sản nóng lên dẫn đến sự biến mất của các căn nhà giá rẻ.

Bảng-3: Kế hoạch phát triển của NLG

| Dự án | Giai đoạn | Phân khúc | Số căn | Giá (tỷ đồng) | Doanh số 2020 | Doanh số 2021 | Doanh số 2022 | Doanh số 2023 và năm tiếp theo |
|------------------|--------------|---------------------|-------------------|---------------|-----------------------------------|---------------|---------------|--------------------------------|
| Mizuki | P2-CC3 | Flora | 760 | 1.8 | | | | |
| | P2-CC5 | Flora | 796 | 4.7 | | | | |
| | P2-CC5 | Valora | 24 | 11.7 | | | | |
| | P3 CC 6789 | Flora | 436 | 2.8 | | | | |
| | P3 CC 6789 | Valora | 38 | 22.7 | | | | |
| | P3 CC 6789 | Flora | 627 | 3 | | | | |
| Akari | P1 | Flora | 1,862 | 2.2 | | | | |
| | P2 | Flora | 3,366 | 2.1 | | | | |
| Southgate | P1 ABC | Valora | 1,700 | 3.7 | | | | |
| | P2 ABC | Valora | 1,240 | 3.7 | | | | |
| | MRT1 | Ehomes | 1,432 | 0.8 | | | | |
| VSIP | P1 | Valora | 369 | 3.7 | | | | |
| | P2 A | Valora | 370 | 3.7 | | | | |
| | P2 B | Ehomes | 2,159 | 1.2 | | | | |
| Nam Long Cần Thơ | P1 | Valora | 449 | 2.5 | | | | |
| | P1 | Land lot | N/A | | | | | |
| | P2 | Valora | 254 | 2.5 | | | | |
| | P2 | Land lot | N/A | | | | | |
| | P3 | Valora | 483 | 2.5 | | | | |
| | P3 | Land lot | N/A | | | | | |
| Waterfront | P1A | Valora | 447 | 4.2 | | | | |
| | P1B | Valora | 797 | 4.3 | | | | |
| | P23-3b-4 | Valora | 2,447 | 6 | | | | |
| | P5 | Flora | 3,215 | 2.8 | | | | |
| | Waterpoint 2 | N/A | Flora | 6,538 | | | | |
| 30,228 | | | | | | | | |
| | | Flora | 19,037 căn | | Kế hoạch bàn giao (căn hộ) | | | |
| | | Valora | 8,743 căn | | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 và năm tiếp theo |
| | | Ehome/Ehomes | 4,010 căn | | 812 | 2,033 | 3,168 | 22,209 |
| | | Tổng | 31,790 căn | | | | | |

Nguồn: Công ty, Guotai Junan (Việt Nam)

Chào bán riêng lẻ. NLG sẽ phát hành 60 triệu cổ phiếu qua phát hành riêng lẻ với giá bán trung bình là 33,500 đồng/cổ phiếu. Tổng cộng thu về khoảng 2,010 tỷ đồng và số tiền này sẽ được đầu tư để tích lũy quỹ đất (dự án PG Hải Phòng) và tăng vốn cho dự án Akari.

Khuyến nghị

Chúng tôi lưu ý rằng do tác động của dịch Covid-19 và làn sóng bùng phát dịch bệnh từ tháng 5 2021, doanh số bán hàng tiếp tục bị ảnh hưởng do cách li xã hội diện rộng và kéo dài, đặc biệt trong Q3 2021. Nếu dịch bệnh không được kiểm soát vào tháng 9, có khả năng cao là sẽ kéo dài đến hết năm nay.

Chúng tôi duy trì định giá cổ phiếu NLG là **34,300 đồng/cổ phiếu** sử dụng phương pháp định giá RNAV sau khi đã điều chỉnh cho 60 triệu cổ phiếu được phát hành thêm trong tháng 7. Chúng tôi khuyến nghị **Trung lập** cho cổ phiếu NLG.

Báo cáo tài chính tóm tắt và chỉ số tài chính

| Báo cáo KQKD | | | | | |
|---|---------|---------|---------|---------|----------|
| 31/12 năm tài chính (tỷ VND) | 2017A | 2018A | 2019A | 2020A | Q2/2021A |
| Doanh thu | 3,165 | 3,480 | 2,549 | 2,260 | 401 |
| yoy(%) | 24.9% | 9.9% | -26.8% | -11.3% | - |
| Giá vốn | (1,866) | (1,976) | (1,480) | (1,546) | (285) |
| LNG | 1,298 | 1,503 | 1,069 | 714 | 116 |
| yoy(%) | 57.8% | 15.8% | -28.9% | -33.2% | - |
| Chi phí bán hàng, QLDN Thu nhập/chi phí khác, ròng Thu nhập tài chính | (414) | (491) | (425) | (434) | (120) |
| | 6 | 9 | 383 | 13 | 1 |
| | 92 | 143 | 223 | 868 | 72 |
| Chi phí tài chính | (29) | (37) | (21) | (103) | (21) |
| Thu nhập từ công ty ldlk | (3) | 14 | 126 | 142 | 63 |
| LNTT | 954 | 1,128 | 1,229 | 1,058 | 48 |
| yoy(%) | 96.92% | 18.27% | 8.94% | -14% | - |
| Chi phí thuế TNDN | (194) | (241) | (219) | (165) | 0 |
| LNST | 760 | 887 | 1,010 | 894 | 48 |
| yoy(%) | 96.0% | 16.8% | 13.8% | -11.5% | - |
| CĐ thiếu số | (221) | (124) | (47) | (15) | (1) |
| LNST thuộc về mẹ | 539 | 763 | 963 | 878 | 47 |
| yoy(%) | 56.0% | 41.8% | 26.2% | -8.8% | - |
| EPS(VND) | 3,425 | 3,193 | 3,709 | 3,078 | 136 |
| yoy(%) | 41.0% | -6.8% | 16.2% | -17.0% | - |

| Lưu chuyển tiền tệ | | | | | |
|----------------------------------|-------|-------|---------|-------|----------|
| 31/12 năm tài chính (tỷ VND) | 2017A | 2018A | 2019A | 2020A | Q2/2021A |
| LNTT | 484 | 950 | 1,128 | 1,226 | 1,015 |
| Điều chỉnh | (8) | (51) | (95) | (570) | (793) |
| Thay đổi vốn lưu động | (738) | 1,362 | (42) | (331) | (1,333) |
| Tiền từ HĐKD | (261) | 2,261 | 991 | 325 | (1,111) |
| Chi đầu tư mua sắm TSCĐ | (8) | (6) | (15) | (64) | (44) |
| Tiền từ HĐĐT | (45) | (786) | (1,830) | (377) | (1,043) |
| Phát hành (mua lại) cổ phiếu | 386 | 78 | 540 | 573 | - |
| Khác | 912 | (201) | 1,047 | 112 | 1,583 |
| Tiền từ HĐ TC | 815 | (324) | 840 | (131) | 1,326 |
| Tiền và tương tiền đầu kỳ | 423 | 932 | 2,082 | 2,084 | 1,901 |
| Thay đổi tiền ròng | 508 | 1,151 | 2 | (184) | (827) |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 932 | 2,082 | 2,084 | 1,901 | 1,073 |

Nguồn: Công ty, Guotai Junan (Việt Nam).

| Cân đối kế toán | | | | | |
|-------------------------------------|-------|-------|--------|--------|----------|
| 31/12 năm tài chính (tỷ VND) | 2017A | 2018A | 2019A | 2020A | Q2/2021A |
| Tài sản ngắn hạn | 6,779 | 7,320 | 7,923 | 9,570 | 17,377 |
| Tiền tương đương tiền | 2,082 | 2,084 | 1,901 | 1,073 | 1,221 |
| Đầu tư ngắn hạn | 60 | 16 | 67 | 35 | 62 |
| Phải thu ngắn hạn | 579 | 1,833 | 1,548 | 2,228 | 1,850 |
| Hàng tồn kho | 3,884 | 3,261 | 4,298 | 6,069 | 14,009 |
| Tài sản dài hạn | 1,127 | 2,254 | 2,981 | 4,073 | 2,746 |
| Tài sản cố định hữu hình | 44 | 40 | 58 | 58 | 58 |
| Tài sản cố định vô hình | 13 | 13 | 19 | 20 | 18 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - | 10 | 194 | 38 | 35 |
| Trả trước và phải thu khác | 197 | 267 | 282 | 328 | 396 |
| Đầu tư vào công ty LDLK | 750 | 1,680 | 1,806 | 3,260 | 1,923 |
| Đầu tư khác | 6 | 4 | 2 | 2 | 2 |
| Tổng tài sản | 7,906 | 9,574 | 10,904 | 13,643 | 20,123 |
| Nợ ngắn hạn | 3,061 | 2,694 | 3,024 | 4,439 | 7,291 |
| Phải trả ngắn hạn | 291 | 270 | 175 | 390 | 1,765 |
| Vay ngắn hạn | 216 | 201 | 63 | 932 | 1,481 |
| Phải trả dài hạn | 1,123 | 1,596 | 1,680 | 2,483 | 3,169 |
| vay dài hạn | 229 | 806 | 806 | 1,525 | 1,314 |
| Nợ phải trả | 4,183 | 4,290 | 4,704 | 6,922 | 10,460 |
| Cổ đông thiếu số | 803 | 684 | 1,145 | 1,117 | 3,186 |
| Vốn góp | 1,572 | 2,391 | 2,597 | 2,853 | 2,853 |
| Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối | 4904 | 9738 | 22601 | 52205 | 62265 |
| Vốn chủ sở hữu | 3,723 | 5,285 | 6,200 | 6,720 | 9,663 |
| yoy (%) | 18.3% | 42.0% | 17.3% | 8.4% | 43.8% |

| Chỉ số tài chính | | | | | |
|-----------------------|-------|-------|-------|-------|----------|
| | 2017A | 2018A | 2019A | 2020A | Q2/2021A |
| BLNG (%) | 41.0 | 43.2 | 41.9 | 31.6 | 29.0 |
| Biên LN hoạt động (%) | 11.2 | 11.2 | 11.2 | 11.2 | 11.2 |
| BLN ròng (%) | 17.0 | 21.9 | 37.8 | 38.9 | 11.7 |
| ROA (%) | 6.8 | 8.0 | 8.8 | 6.4 | 0.2 |
| ROE (%) | 20.4 | 16.8 | 16.3 | 13.3 | 0.5 |
| Net gearing ratio (%) | 11.9 | 19.1 | 14.0 | 36.6 | 28.9 |
| Current ratio(x) | 2.2 | 2.7 | 2.6 | 2.2 | 2.4 |

XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

| Khuyến nghị | Định nghĩa |
|----------------------|---|
| Mua | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực |
| Tích lũy | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực |
| Trung lập | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập |
| Giảm tỷ trọng | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực |
| Bán | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực |

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

| Xếp loại | Định nghĩa |
|---------------------|--|
| Vượt trội | Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực |
| Trung lập | Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập |
| Kém hiệu quả | Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực |

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Guotai Junan Việt Nam Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

| Thành viên | Vị trí | Phụ trách | Email | Ext. |
|----------------------------|--|-------------------------------|--|------|
| Võ Thế Vinh | Trưởng phòng | Phân tích & Chiến lược Đầu tư | vinhvt@gtjas.com.vn | 704 |
| Đỗ Trung Nguyên | Phó phòng | Chiến lược đầu tư | nguyendt@gtjas.com.vn | 703 |
| Trần Thị Hồng Nhung | Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp | Ngành Ngân hàng | nhungtth@gtjas.com.vn | 706 |
| Đình Quang Đạt | Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp | Ngành Tiêu dùng | datdq@gtjas.com.vn | |
| Phí Công Linh | Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp | Ngành Bất Động sản | linhpc@gtjas.com.vn | 709 |



| LIÊN HỆ | TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI | CHI NHÁNH TP.HCM |
|--|--|---|
| Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073 | R9-10, 1 st Floor, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, Hà Nội | 4 th Floor, No. 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q.3, Tp.HCM |
| Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999 | Tel: (024) 35.730.073 | Tel: (028) 38.239.966 |
| Email: ivs@gtjas.com.vn Website: www.ivs.com.vn | Fax: (024) 35.730.088 | Fax: (028) 38.239.696 |